

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/HS-ST

Ngày: 02/01/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 335/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2024/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành T, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Dương; hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha là ông Nguyễn Văn Đ (đã chết) và mẹ là bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1961.

Tiền án:

- Ngày 30/6/2004, bị Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 30 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện từ tháng 8 đến tháng 11/2003. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/10/2006. Chấp hành án phí hình sự, dân sự và nộp tiền thu lợi bất chính vào ngày 12/11/2024. Riêng phần bồi thường dân sự thì cho đến nay, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

- Ngày 31/10/2012, bị Toà án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm 6 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” đối

với hành vi thực hiện ngày 21/4/2012. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/11/2017. Chưa chấp hành án phí hình sự và số tiền nộp sung quỹ nhà nước.

Nhân thân:

- Ngày 07/7/1998, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ra Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn là 24 tháng. Chấp hành xong ngày 11/8/2000.

- Ngày 01/8/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 08 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” đối với hành vi thực hiện ngày 28/02/2002. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 02/8/2003. Chấp hành xong án phí hình sự và dân sự ngày 18/6/2007. Riêng phần bồi thường dân sự thì cho đến nay, bị hại chưa có đơn yêu cầu thi hành án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/5/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Ông Đặng Hồng H, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1991.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố 2, phường X, thị xã L, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở: Đường DX 070, khu phố 3, phường Đ, thành phố T, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Nhựt Q, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Khu phố T, phường A, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1978.

Hộ khẩu thường trú: Xóm 25, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Số 11/279A, khu phố D, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Thái T, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Số 25/7, khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

6. Ông Đỗ Trọng N, sinh năm 1979.

Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952.

Hộ khẩu thường trú: Số 25/7, khu phố 7, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

8. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh An Giang - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành T là đối tượng nghiện ma túy, có 02 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản và ma túy. Từ ngày 23/6/2019 đến ngày 03/9/2019, do cần tiền tiêu xài, T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất:

Nguyễn Thành T và ông Đặng Hồng H là bạn bè quen biết ngoài xã hội. Ngày 22/6/2019, T đến nhà của ông H thuộc khu phố 2, phường Mỹ Phước, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương để chơi và ngủ lại. Khoảng 02 giờ sáng, ngày 23/6/2019, T hỏi mượn xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 67L1-655.27 của ông H đi về nhà để lấy đồ dùng cá nhân, đến chiều cùng ngày sẽ trả. H đồng ý và giao xe cùng giấy tờ xe (giấy tờ để trong cốp xe) cho T mượn. Trên đường về, T nảy sinh ý định đem xe đi cầm cố lấy tiền tiêu xài nên nhờ bạn là ông Huỳnh Nhựt Q dẫn đến tiệm cầm đồ S do bà Nguyễn Thị H làm chủ, yêu cầu cầm cố. Do xe không chính chủ và không quen biết T nên bà A (người được bà H giao quản lý tiệm cầm đồ) không đồng ý cầm xe. Lúc này, ông Q lấy giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thành T đứng ra cầm xe mô tô biển số 67L1-655.27. Do ông Q là khách quen nên bà A đồng ý cầm cố xe với số tiền 18.000.000 đồng. Số tiền cầm cố và giấy cầm cố, ông Q đưa hết cho T. Tiền có được, T tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 10/7/2019, T nhờ bạn (không rõ lai lịch) đem giấy cầm cố xe mô tô biển số 67L1-655.27 đến đưa cho ông H. Sau đó, ông H đến Công an phường Mỹ Phước trình báo sự việc.

- Lần thứ hai:

Nguyễn Thành T và bà Nguyễn Thị Minh H có mối quan hệ bạn bè ngoài xã hội.

Khoảng 13 giờ ngày 03/9/2019, bà H đang ở cùng bạn trai là ông Nguyễn Thái T tại phòng trọ thuộc khu phố 3, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì T điện thoại cho bà H nhờ chở T về nhà tại xã L, huyện B, Bình Bình Dương. T hứa sau khi về sẽ cho bà H tiền nên bà H đồng ý và hỏi mượn xe mô tô hiệu

Honda Vision, biển số 61D1-615.49 của ông T để chở T về nhà. Sau đó, bà H điều khiển xe mô tô của ông T đến nhà nghỉ Thanh N thuộc phường Hiệp An, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đưa xe cho T chở bà H về nhà của T lấy tiền rồi T và bà H quay lại phòng trọ của bà H. Khoảng 15 giờ cùng ngày, T điều khiển xe mô tô biển số 61D1-615.49 chở bà H quay lại thành phố Thủ Dầu Một, đến cây xăng Phú An cạnh đường ĐT744 thuộc ấp Phú Thứ, xã Phú An, thành phố Bến Cát thì T nói xe hết xăng nên T vào cây xăng để đổ xăng. Lúc này, bà H sợ bà Nguyễn Thái P là chị gái của ông Thái T có nhà ở bên cạnh cây xăng Phú An thấy bà H đi chung với T nên bà H xuống xe, giao xe cho T điều khiển đi vào cây xăng đổ xăng, còn bà H đứng bên đây đường đợi T. Sau khi đổ xăng xong, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe đem bán lấy tiền nên điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision biển số 61D1-615.49 chạy qua quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, T bán xe cho một người không rõ lai lịch với giá 4.500.000 đồng. Tiền có được, T tiêu xài cá nhân hết.

Đối với bà H, sau khi T điều khiển xe chạy đi thì bà H mới biết. Đến ngày 09/9/2019, bà H làm đơn trình báo đến Công an xã Phú An. Sau đó, vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát để giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bến Cát, kết luận: Một xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61D1-615.49 trị giá 19.500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bến Cát, kết luận: Một xe mô tô hiệu Honda Lead 124 biển số 67L1-655.27 trị giá 23.400.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của T phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 330/CT-VKSBC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

* Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 61D1-615.49, xe do ông Đỗ Trọng N đứng tên đăng ký. Năm 2017, ông N đổi xe cho mẹ vợ là bà Nguyễn Thị C. Sau đó, bà C cho con ruột là ông Thái T sử dụng làm phương tiện đi lại.

Đối với xe mô tô biển số 61L1-655.27, xe do ông Nguyễn Tấn Đ đứng tên đăng ký giùm cho ông H. Ngày 16/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát, giao trả xe cho ông H. Ông H không yêu cầu giải quyết gì thêm.

* Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 18.000.000 đồng; bà H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 19.500.000 đồng. Trong thời gian chuẩn bị xét xử, bà H, bà H và ông Thái T không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, bản luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

T đã 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

- Lần thứ nhất: Ngày 22/6/2019, sau khi được ông H cho mượn xe mô tô hiệu Honda Lead, biển số 67L1-655.27, T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã thực hiện hành vi cầm cố xe mô tô nêu trên cho tiệm cầm đồ S mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu.

- Lần thứ hai: Ngày 03/9/2019, sau khi được bà H giao xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61D1-615.49 cho T điều khiển để đi đổ xăng thì T nảy sinh ý định chiếm đoạt nên đã thực hiện hành vi bán xe mô tô nêu trên cho người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu.

Theo Kết luận về việc định giá tài sản ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bến Cát, kết luận: Một xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 61D1-615.49 trị giá 19.500.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bến Cát, kết luận: Một xe mô tô hiệu Honda Lead 124 biển số 67L1-655.27 trị giá 23.400.000 đồng.

Hành vi mượn và nhận tài sản từ người khác rồi không trả lại mà đem đi cầm cố, bán tài sản cho người khác mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu đã đủ yếu tố cấu thành tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Theo Bản án số 367/2012/HSST ngày 31/10/2012 của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định bị cáo có tiền án và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo đã tái phạm và có tiền án, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, Cáo trạng số 330/CT-VKSBC ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Thành T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, bị cáo hoàn toàn biết hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là trái pháp luật nhưng vì lòng tham lam tư lợi nên bị cáo đã cố tình thực hiện. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo là cách ly bị cáo ra khỏi xã hội trong một thời gian để giáo dục, cải tạo, răn đe bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Q khai không biết xe này do phạm pháp mà có, chỉ nghe T nói xe này là của em rể T. Do xe không chính chủ, tiệm cầm đồ chỉ quen biết ông Q (dưới tên là Thành T) nên ông Q mới sử dụng giấy chứng minh nhân dân mang tên ông T để cầm xe cho T. Ông T cũng khai ông cho Q mượn giấy chứng minh nhân dân để xin việc làm do ông Q làm mất chứng minh nhân dân, chứ ông không biết ông Q sử dụng chứng minh nhân dân của mình để cầm xe giúp cho T. Bà A, bà H cũng khai không biết xe mô tô do T phạm tội mà có. Do đó, hành vi của ông Q, bà A, bà H chưa đủ căn cứ để cấu thành tội phạm.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hai lần chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phạm tội với tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải

nên sẽ áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà H, bà H, ông Thái T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 20/5/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thành T phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA thành phố Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố Bến Cát;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, TA (01).

Phạm Ngọc Hoàng An